

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-10-2018

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

Bà Mai Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bé Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Trường A**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: A Huỳnh Châu S, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Phan Ngọc T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: B ấp Bình An, xã Lợi Bình N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà A có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018 và các lời trình bày của bà Mai Thị Trường A có nội dung:

Năm 2016, bà quen biết và kết hôn với ông Phan Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi Bình N, thành phố T, tỉnh Long An. Bà và ông T chung sống

hạnh phúc một thời gian đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện bà đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Phan Thịnh P sinh ngày 28/01/2017. Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng là vào ngày 15 Dương lịch hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Phan Ngọc T, đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà A. Phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Dại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về tình cảm: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

Về con chung: Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Mai Thị Trường A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Ngọc T có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn là ông Phan Ngọc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản

phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Trường A và ông Phan Ngọc T tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi Bình N, thành phố T, tỉnh Long An năm 2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà A thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà A yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến của ông là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A. Hiện tại, bà A và ông T không còn chung sống với nhau. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà A và ông T đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà A và ông T có một (01) con chung tên Phan Thịnh P sinh ngày 28/01/2017. Thấy rằng, con chung hiện đang sống với bà A. Bà A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Ông T cũng không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử nhận thấy tiếp tục giao con chung cho bà A nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung.

[5] Đối với yêu cầu cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì người nuôi con chung chưa thành niên có quyền yêu cầu người không nuôi con cấp dưỡng nuôi con chung nên việc bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về mức cấp dưỡng, bà A yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy do nhu cầu tài chính phục vụ cho cuộc sống hiện nay khá cao, bà A làm công nhân nên mức thu nhập cũng không thuộc nhóm người có thu nhập cao và ổn định nên nếu buộc ông T cấp dưỡng cho con chung bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản là quá thấp, Hội đồng xét xử xét thấy bà A yêu cầu ông T mỗi tháng phải cấp dưỡng cho con chung là 1.000.000đ là phù hợp với nhu cầu sinh hoạt tại thời điểm hiện nay để bà A đủ khả năng nuôi dưỡng cho con chung. Thời gian cấp dưỡng là vào ngày 15 Dương lịch hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[7] Ông T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông T, bà A có quyền xin thay

đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Trường A, cho bà Mai Thị Trường A ly hôn với ông Phan Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Phan Thịnh P sinh ngày 28/01/2017 cho bà Mai Thị Trường A nuôi dưỡng.

Ông Phan Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng là vào ngày 15 Dương lịch hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phan Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Phan Ngọc T, bà Mai Thị Trường A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: bà Mai Thị Trường A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002318 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp đủ.

Ông Phan Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh